

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

—o0o—

Số: 14/2013/KSA/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

—o0o—

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2013

TP. HỒ CHÍ MINH



ĐẾN Số: 25955
Giờ: Ngày 29 tháng 07 năm 13

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN
(V/v Thông qua quy chế quản trị Công ty)

Nguyễn Văn Dũng Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận (HĐQT) số 14/2013/KSA/BBH-HĐQT ngày 26 tháng 07 năm 2013.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thông qua Quy chế quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị quyết định thông qua Quy chế Quản trị áp dụng cho các công ty niêm yết, căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài chính (đính kèm).

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, các cá nhân và phòng ban liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu văn thư.



NGUYỄN VĂN DŨNG



QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2013/KSA/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 07 năm 2013 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận)

Nguyễn Văn Dũng

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế Quản trị Công ty quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty.
2. Quy chế này được xây dựng dựa theo “Quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng được quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài chính;

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:
 - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
 - Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
 - Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
 - Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
 - b) “Công ty niêm yết” là công ty cổ phần được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam;

- c) "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- d) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- e) "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- f) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
 - Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;
 - Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.
- 2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành;
 - d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.
3. Nghĩa vụ của cổ đông
- a) Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
 - b) Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
 - d) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
 - e) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - f) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 4. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 05% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
 - a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
4. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.

5. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 4.1 của Quy chế này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội cổ đông

1. Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu năm (05) ngày trước ngày chốt danh sách.
2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông
Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:

- a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình họp, các tài liệu theo quy định.
 - b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.
 - c) Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả cổ đông có quyền dự họp bằng hình thức:
 - Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu: thông báo họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được gửi đến tổ chức lưu ký;
 - Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu: thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến cổ đông, qua đường bưu điện, bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông hoặc chuyển tận tay, hoặc gửi tới số fax, địa chỉ thư điện tử của cổ đông đó.
 - Đối với cổ đông là người làm việc trong công ty: thông báo sẽ được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay cổ đông tại nơi làm việc.
 - d) Song song với việc gửi thông báo cho các cổ đông, thì thông báo họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công bố trên website của Công ty, trên các phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán, trên tờ báo địa phương hoặc một tờ báo trung ương.
 - e) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông
- a) Tất cả cổ đông có quyền dự họp phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp.
 - b) Trường hợp cổ đông có quyền dự họp không thể đến dự tại Đại hội cổ đông, có thể ủy quyền lại cho người khác tham dự. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản có ghi rõ phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và nội dung khác theo quy định của pháp luật. Và khi đến dự người được ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền cho Ban tổ chức.
 - c) Từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết sẽ được Công ty cấp cho 01 thẻ biểu quyết, có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
 - d) Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn được đăng ký ngay khi đến.
4. Cách thức bỏ phiếu
- a) Đại hội đồng cổ đông thực hiện nguyên tắc bầu cử trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín.

- b) Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội cổ đông vào thời điểm bầu cử có một phiếu bầu cho từng chức danh, trong đó ghi rõ mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và tổng số bầu cử.
 - c) Cổ đông bỏ phiếu vào thùng phiếu tuân tự theo quy định của Ban tổ chức Đại hội.
5. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả bỏ phiếu
- a) Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm tra và thống kê số phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty theo tuân tự kiểm phiếu bầu Hội đồng Quản trị trước rồi mới đến Ban kiểm soát, lập biên bản kiểm phiếu, trong đó ghi rõ:
 - Tổng số cổ phần của Công ty.
 - Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được mời dự họp đại diện cho số cổ phần của Công ty.
 - Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông tham dự đại hội, đại diện cho số cổ phần được quyền biểu quyết tại đại hội.
 - b) Ban kiểm phiếu công bố kết quả bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, trong đó nêu rõ tỷ lệ của số phiếu chấp thuận, số phiếu phủ quyết và số phiếu không có ý kiến.
6. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
- a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
7. Ghi biên bản Đại hội đồng cổ đông
- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải chọn ra ít nhất một thư ký để ghi biên bản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập chi tiết và rõ ràng. Biên bản Đại hội cổ đông được xem là bằng chứng xác thực về những công việc đã được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông.
8. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

- a) Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung sau:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Chương trình và nội dung cuộc họp.
 - Chủ tọa và thư ký.
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Các quyết định đã được thông qua
 - Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- c) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp. Việc công bố thông tin ra công chúng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội Cổ đông

Hội đồng quản trị phải thực hiện việc báo cáo các hoạt động tại Đại hội cổ đông. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải tối thiểu có các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị;
3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
4. Kết quả giám sát đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành;
5. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý;

6. Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông

Ban Kiểm soát phải thực hiện việc báo cáo các hoạt động kiểm soát tại Đại hội cổ đông. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc, và các cán bộ quản lý;
5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, và cổ đông.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Tổ chức bộ máy Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị gồm có:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - c) Các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Ngoài ra, Hội đồng quản trị được tham mưu bởi các tiểu ban như sau:
 - a) Tiểu ban Chiến lược thị trường và hệ thống bán hàng;
 - b) Tiểu ban Kiểm toán nội bộ;
 - c) Tiểu ban Nhân sự tiền lương;
 - d) Các tiểu ban đặc biệt khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn trở thành thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông.
2. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước

khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - e) Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
 - f) Các thông tin khác (nếu có).
3. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
 4. Việc đề cử thành viên vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của các cổ đông lớn được áp dụng theo quy định tại khoản 2, 3 điều 4 Quy chế này.
 5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
 6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (6) tháng, trong thời gian này Hội

đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
9. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
10. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 11. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có tối thiểu năm (5) thành viên và tối đa mười một (11) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (5) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên quản trị không điều hành.

Điều 12. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có một phiếu bầu. Giá trị biểu quyết của phiếu bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện.
2. Việc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín, bầu trực tiếp, theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
6. Công ty đại chúng có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
 - d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
 - f) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

- g) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;
 - i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - j) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
 - k) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - l) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b) Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, công ty và liên doanh);
 - d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f) Khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 15. Thường trực Hội đồng quản trị

1. Thường trực Hội đồng quản trị là cơ quan thay mặt Hội đồng quản trị để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong thời gian giữa các phiên họp của Hội đồng quản trị. Thường trực Hội đồng quản trị gồm có Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và 01 thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách.
2. Thường trực Hội đồng quản trị họp định kỳ 1 tháng 1 lần vào tuần đầu tiên của tháng hoặc đột xuất theo triệu tập của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tuỳ vào tính chất của từng cuộc họp và nội dung các vấn đề đưa ra thảo

luận, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể mời thêm một số thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp Thường trực Hội đồng quản trị.

3. Thường trực Hội đồng quản trị được quyền quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và các vấn đề đã được Hội đồng quản trị phân cấp theo quy định tại Quy chế này, trừ các vấn đề sau:
 - a) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vấn đề quy định tại các điểm a, b, f, g, h, i, j khoản 3 Điều 14 Quy chế này.
 - b) Các vấn đề quy định tại các điểm f, h, i, k khoản 4 Điều 14 Quy chế này.

Điều 16. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có quyền thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Thành viên của tiểu ban bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng quản trị nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ các tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Thành viên của các ban được hưởng thù lao của Công ty theo quyết định của HĐQT và phải tuân thủ việc giữ bí mật các thông tin của Công ty cũng như bảo đảm các nguyên tắc về mâu thuẫn quyền lợi theo quy định của pháp luật. Các tiểu ban bao gồm:

1. Tiểu ban Chiến lược thị trường và hệ thống bán hàng
 - a) Tiểu ban Chiến lược thị trường và hệ thống bán hàng xây dựng và tham mưu cho Hội đồng quản trị về các chiến lược phát triển thị trường, hệ thống bán hàng của Công ty. Tiểu ban Chiến lược thị

trường và hệ thống bán hàng có nhiệm vụ đánh giá tình hình hoạt động, đề ra các phương pháp cải tiến cũng như tìm các hướng đi mới cho Công ty về lĩnh vực phụ trách. Để thực hiện nhiệm vụ của mình, Tiểu ban Chiến lược có quyền thuê công ty tư vấn bên ngoài.

b) Nhân sự tiểu Ban Chiến lược thị trường và hệ thống bán hàng bao gồm:

- Thành viên Hội đồng quản trị làm trưởng tiểu ban;
- Một vài thành viên trong và ngoài Công ty khác tùy tình hình cụ thể.

c) Nhiệm vụ của Tiểu ban Chiến lược thị trường và hệ thống bán hàng:

- Nghiên cứu xác lập quan điểm, xây dựng định hướng, hoạch định mục tiêu và đề ra các giải pháp, chính sách phát triển thị trường và hệ thống bán hàng của Công ty trong từng giai đoạn 5 năm và trong từng thời kỳ kế hoạch 3 năm.
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch phát triển thị trường, hệ thống bán hàng dài hạn.
- Trên cơ sở phân tích tình hình Công ty và dự báo bối cảnh thị trường, đề ra chiến lược và các chính sách quản lý rủi ro Công ty.
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị về việc thẩm định các đề án, dự án, phương án phát triển sản phẩm, mở rộng mạng lưới, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, tăng cường năng lực tài chính, bổ sung nguồn nhân lực... trước khi cho triển khai thực hiện.

2. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

a) Tiểu ban Kiểm toán nội bộ là cơ quan tham mưu, kiểm tra, đề xuất các kiến nghị, giải pháp cho Hội đồng quản trị về các mặt: tài chính, kế toán, kiểm toán, đầu tư, vay nợ.

b) Tiểu ban Kiểm toán nội bộ phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty, bao gồm:

- Một thành viên điều hành của Hội đồng quản trị thông thạo về tài chính kế toán làm trưởng Tiểu ban;
- Một vài thành viên trong và ngoài công ty khác tùy tình hình cụ thể.

c) Nhiệm vụ và quyền hạn của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ:

- Đề xuất và tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc lựa chọn hoặc thay đổi công ty kiểm toán cho Công ty;
- Xem xét hoạt động của hệ thống kế toán - kiểm toán nội bộ và kiến nghị Hội đồng quản trị để điều chỉnh khi cần thiết;

- Theo dõi phối hợp giữa Bộ phận Kế toán và công ty kiểm toán;
- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty;
- Kiểm tra các phương án vay vốn, đầu tư của công ty.

3. Tiểu ban Nhân sự tiền lương

- Tiểu Ban Nhân sự tiền lương tham mưu cho Hội đồng quản trị các vấn đề về nhân sự, lao động, tuyển dụng, chế độ huấn luyện/đào tạo chính sách khen thưởng/kỷ luật, chế độ lương, thưởng, đãi ngộ (xe, phí điện thoại, bảo hiểm, y tế, nhà cửa, cổ phiếu...) đối với cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các những người quản lý chủ chốt.
- Tiểu ban Nhân sự tiền lương bao gồm:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm trưởng Tiểu ban;
 - Tổng giám đốc;
 - Trưởng Bộ phận nhân sự.
- Nhiệm vụ của Tiểu Ban nhân sự tiền lương:
 - Nghiên cứu xây dựng và cải tiến cơ cấu – cơ chế – phương thức – quy trình tuyển dụng/đánh giá những người quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển của mỗi giai đoạn;
 - Đánh giá chất lượng làm việc của các nhân sự chủ chốt (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, lãnh đạo các bộ phận/đơn vị);
 - Tìm nhân sự dự bị thay thế cho các vị trí nhân sự chủ chốt và các vị trí khác khi Công ty có nhu cầu;
 - Xây dựng và xem xét các chính sách đãi ngộ của Công ty;
 - Xem xét lại hàng năm chế độ đãi ngộ để phù hợp với tình hình kinh doanh, nhu cầu về nhân sự và tốc độ phát triển của Công ty;
 - Đề xuất các chương trình cổ phiếu thưởng cho các cán bộ, nhân viên đã có hoặc có khả năng đóng góp lớn vào hoạt động của Công ty;
 - Phải bảo đảm các quy định về tránh xung đột và không mâu thuẫn quyền lợi theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Thư ký Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a) Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
 - b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư ($3/4$) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa ($1/2$) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm

vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Trong cuộc họp HĐQT, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Ban Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền giải trình cụ thể thêm những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và các

dự án do Ban Giám đốc trình Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT căn cứ vào tính chất, nội dung các vấn đề cần giải quyết tại cuộc họp để quyết định mở rộng thêm thành phần dự họp:

- a) Xem xét những vấn đề về chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn và hàng năm, các dự án đầu tư lớn, các dự án liên doanh với nước ngoài... thì tùy theo từng vấn đề có thể mời các cán bộ quản lý của Công ty, các chuyên gia, tư vấn có kinh nghiệm để góp ý kiến;
- b) Trường hợp có nội dung quan trọng liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động trong Công ty hay tại các chi nhánh thì phải mời đại diện Công đoàn Công ty đến dự.

Thành viên được mời có quyền tham gia ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
16. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
17. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 20. Thẻ thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc có quyền quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay hoặc gửi bằng thư bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.
3. Quyết định của Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thông qua khi có trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến ủng hộ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình.
4. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm thu nhận các phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, dự thảo Nghị quyết, quyết định trình Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp được uỷ quyền theo quy định tại Khoản 2, Điều 16 Quy chế này ký ban hành. Tất cả các tài liệu này đều phải được lưu giữ theo chế độ bảo mật của Công ty.

Điều 21. Chi phí hoạt động, thù lao các thành viên Hội đồng quản trị

1. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Công ty thanh toán. Thù lao và thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Công ty chi trả dựa trên đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.
2. Hàng năm, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị xét trên qui mô hoạt động, số lượng thành viên, nhiệm vụ được phân công.
3. Công ty có trách nhiệm chi trả đầy đủ các chi phí cho các hoạt động của Hội đồng quản trị nhằm phục vụ cho lợi ích của nhóm Công ty. Bên cạnh các chi phí thường xuyên, nếu có các chi phí đột xuất xảy ra thì các thành viên Hội đồng quản trị sẽ được hoàn trả đầy đủ nếu cung cấp đủ các căn cứ để chứng minh rằng việc chi tiêu này nhằm phục vụ cho lợi ích của Công ty và các công ty con.
4. Thù lao Hội đồng quản trị sẽ được nhận mỗi tháng một lần theo thời gian nhận lương của các cán bộ - công nhân viên trong Công ty.
5. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

6. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

CHƯƠNG IV

CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO VÀ QUY TRÌNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao:

1. Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao
Việc lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao của Công ty phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau:
 - a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tính trung thực.
 - b) Có trình độ chuyên môn. Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.
 - c) Có khả năng đảm đương nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong công việc
 - d) Có sức khỏe, có kiến thức về quản lý.
 - e) Thể hiện sự mẫn cán trong công việc.
2. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao
 - a) Cán bộ đáp ứng các tiêu chuẩn trên được xem xét bổ nhiệm vào các chức danh quản lý, đảm đương những vị trí quan trọng trong Công ty.
 - b) Thẩm quyền bổ nhiệm:
 - Hội đồng quản trị bổ nhiệm: Tổng Giám đốc điều hành; Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng; Thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; Các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành.
 - Tổng Giám đốc bổ nhiệm các cán bộ quản lý khác trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, việc bổ nhiệm này phải phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý Công ty. Tổng giám đốc quyết định sau khi tổ chức lấy ý kiến tham khảo với các đối tượng Trưởng, phó bộ phận và Bộ phận Nhân sự.
 - c) Thời hạn bổ nhiệm: Đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng là 5 năm; đối với cán bộ quản lý khác là 03 năm.
3. Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao

- a) Việc ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao trong Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Lao động.
- b) Hợp đồng lao động Công ty ký với cán bộ quản lý là Hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
4. Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao
Miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao trong những trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ được giao;
 - b) Vi phạm nội quy, quy chế Công ty;
 - c) Phẩm chất đạo đức kém, ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp của Công ty;
 - d) Tư lợi cá nhân;
 - e) Có đơn xin từ chức.
5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao
Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao của Công ty được thông báo trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, các đối tác và cán bộ quản lý cấp trung gian trong toàn Công ty.

Điều 23. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư

vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

- d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e) Vào ngày 31/12 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - h) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật.
4. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.

Điều 24. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc

- 1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
 - a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời và tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
 - b) Bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.
 - c) Kết quả các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được thông báo đến thành viên Ban kiểm soát và Ban Giám đốc biết.
- 2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều phải được thông báo đến Ban Giám đốc và Ban kiểm soát biết. Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty để báo cáo lên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị họp đánh giá, kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị về điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ban Giám đốc.

Việc kiểm điểm này được thực hiện thường xuyên.

CHƯƠNG V

ỦY QUYỀN, PHÂN CẤP VÀ QUAN HỆ PHỐI HỢP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Phân cấp ban hành quy chế quản lý nội bộ

Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc ban hành các quy chế quản lý nội bộ quy định các quy trình nghiệp vụ cụ thể hoặc nhằm thực hiện các quy định tại các quy chế mà Hội đồng quản trị đã ban hành theo quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 14 Quy chế này.

Điều 26. Phân cấp huy động vốn

Hội đồng quản trị phân cấp cho Thường trực Hội đồng quản trị quyết định các phương án huy động vốn có giá trị nhỏ hơn 30% Vốn điều lệ của Công ty. Việc thông qua phương án huy động vốn phải thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 27. Phân cấp quyết định đầu tư ra ngoài Công ty, bán phần vốn góp tại doanh nghiệp khác

1. Hội đồng quản trị phân cấp cho thường trực Hội đồng quản trị quyết định đầu tư ra ngoài Công ty, bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác có giá trị nhỏ hơn 30% Vốn điều lệ của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các trường hợp đầu tư ra ngoài Công ty, bán phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 10% Vốn điều lệ của Công ty.

Điều 28. Phân cấp đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định của Công ty

1. Hội đồng quản trị phân cấp cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các văn bản, hồ sơ liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định của Công ty dựa trên quyết định đầu tư của Hội đồng quản trị (từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện, triển khai và kết thúc dự án).

2. Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các trường hợp đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định của Công ty có giá trị nhỏ hơn 2% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất (từ giai đoạn chuẩn bị thực hiện, triển khai và kết thúc dự án).

Điều 29. Phân cấp cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định, thanh lý, nhượng bán tài sản

Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các trường hợp cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản cố định của Công ty có giá trị còn lại được ghi trên sổ sách kế toán không quá 10 tỷ đồng ngoại trừ việc vay vốn ưu đãi để thực hiện các dự án đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua; thanh lý, nhượng bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 10 tỷ đồng.

Điều 30. Phân cấp quyết định chi tiêu nội bộ

1. Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các khoản chi tiêu nội bộ cụ thể nằm trong kế hoạch tài chính đã được duyệt.
2. Đối với các khoản chi tiêu nội bộ nằm ngoài kế hoạch, Hội đồng quản trị phân cấp cho:
 - a) Thường trực Hội đồng quản trị quyết định các khoản chi tiêu nội bộ cụ thể có giá trị từ trên 01 tỷ đến 05 tỷ đồng. Thường trực Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về khoản chi tiêu này tại phiên họp gần nhất.
 - b) Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định các khoản chi tiêu nội bộ có giá trị từ 01 tỷ đồng trở xuống. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về khoản chi tiêu này tại phiên họp gần nhất.

Điều 31. Phân cấp quyết định về công tác cán bộ

1. Hội đồng quản trị phân cấp cho Thường trực Hội đồng quản trị quyết định ủy quyền, chấm dứt ủy quyền, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với các cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo đề nghị của Tổng giám đốc.
2. Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định ủy quyền, chấm dứt ủy quyền, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc.
3. Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm, ký hợp đồng, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật và chế độ lương, thưởng đối với các vị trí nhân sự dưới đây:
 - a) Nhân sự lãnh đạo các cấp phòng;

- b) Cán bộ, nhân viên thuộc diện lao động hợp đồng và các chức danh khác của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Tổng giám đốc hoặc theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.
- c) Một số chức danh khác theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI

BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

Điều 33. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
2. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

Điều 34. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.
2. Công ty đại chúng xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 35. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.

2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.
4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty đại chúng.
6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 36. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Việc tính số thù lao mà các thành viên Ban kiểm soát được hưởng phải rõ ràng, minh bạch và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao thanh toán cho Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của công ty và cho cổ đông.

CHƯƠNG VII

QUẢN LÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 37. Các hình thức đầu tư ra ngoài công ty

1. Góp vốn, mua cổ phần để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;
2. Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh đang hoạt động;

3. Mua lại một công ty khác;
4. Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi;
5. Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra ngoài công ty

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty có giá trị từ bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính năm trước đó. Hội đồng quản trị quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty đối với các dự án không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị Công ty quyết định cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn của công ty tại doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với người đại diện, trừ trường hợp người đại diện đã được hưởng lương từ doanh nghiệp khác.

Điều 39. Tiêu chuẩn của người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đảm đương nhiệm vụ;
2. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành luật pháp và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;
3. Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Đối với người trực tiếp quản lý phần vốn Công ty tại liên doanh với nước ngoài có trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch.
4. Không là bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với những người là đại diện Công ty, người trong Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp có vốn góp vào doanh nghiệp mà người đó được giao trực tiếp quản lý; không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn Công ty mà người đó được cử trực tiếp quản lý.
5. Người đại diện phần vốn của Công ty tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của doanh nghiệp mà Công ty đầu tư phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng như thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát mà doanh nghiệp đó quy định.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp khác theo điều lệ của doanh nghiệp này.

2. Khi được ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của đại diện chủ sở hữu, nhất là trong trường hợp là cổ đông, bên góp vốn chi phối.
3. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của luật pháp, điều lệ doanh nghiệp. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc công ty về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác, việc thực hiện các nhiệm vụ của đại diện Công ty giao.
4. Theo dõi, đôn đốc và thực hiện thu hồi vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác gồm thu cổ tức và các khoản được chia khác từ vốn góp vào doanh nghiệp khác.
5. Người đại diện tham gia ban quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp khác đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Đại hội đồng cổ đông hay các thành viên góp vốn hay bên liên doanh như phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức ... người đại diện phải chủ động báo cáo Hội đồng quản trị Công ty cho ý kiến bằng văn bản, người đại diện có trách nhiệm phát biểu trong cuộc họp và biểu quyết theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty. Trường hợp nhiều người đại diện cùng tham gia Hội đồng quản trị, Ban giám đốc của doanh nghiệp khác thì phải thống nhất thực hiện ý kiến chỉ đạo Hội đồng quản trị Công ty.
6. Người đại diện ở doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty phải có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó đi đúng mục tiêu, định hướng của Công ty. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng của Công ty phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị Công ty và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi được Hội đồng quản trị Công ty thông qua cần tổ chức thực hiện ngay để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định.
7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và Hội đồng quản trị Công ty giao.
8. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

**QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT
ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN
KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ**

Điều 41. Tiêu chuẩn đánh giá

1. Đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Giám đốc.
 - a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, đảm bảo mang lại lợi ích thiết thực, chính đáng cho các cổ đông, cán bộ, nhân viên và vì sự phát triển của Công ty.
 - c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
2. Đối với các cán bộ quản lý
 - a) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trung thực.
 - b) Thể hiện năng lực quản lý và điều hành ở mảng công việc được phân công phụ trách.
 - c) Gương mẫu trong làm việc và đạo đức lối sống.
 - d) Không bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

Điều 42. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật

1. Khen thưởng: Tùy vào thành tích và mức độ đóng góp của từng thành viên mà áp dụng các hình thức khen thưởng sau:
 - a) Tham quan trong nước
 - b) Tham quan nước ngoài
 - c) Khen thưởng theo từng tháng, quý, năm và khen thưởng đột xuất.
 - d) Bổ nhiệm, đề bạt.Công ty xây dựng Quy chế khen thưởng phù hợp với các đối tượng và điều kiện thực tế của Công ty.
2. Kỷ luật: Áp dụng các hình thức kỷ luật sau:
 - a) Phê bình nội bộ
 - b) Khiển trách
 - c) Kéo dài thời gian nâng lương không quá 6 tháng hoặc chuyển làm công việc khác có mức lương thấp hơn trong thời hạn tối đa là 6 tháng hoặc cách chức.
 - d) Sa thải, xóa hợp đồng lao động.

Điều 43. Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật

Công ty thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng – kỷ luật do Tổng Giám đốc làm Chủ tịch hội đồng, Chủ tịch Công đoàn cơ sở, Bí thư Đoàn Thanh niên và cấp trưởng một số bộ phận trong Công ty làm thành viên.

CHƯƠNG IX

NGĂN NGÜA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.
6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép

công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty đại chúng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
2. Công ty đại chúng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.
3. Công ty đại chúng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty đại chúng không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 46. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty đại chúng phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.
2. Công ty đại chúng cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:
 - a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;
 - b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành.
3. Công ty đại chúng phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG X

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 47. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty đại chúng có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh

doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty đại chúng phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 48. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:
 - a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - b) Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành;
 - d) Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị;
 - e) Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty;
 - f) Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc điều hành và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên;
 - h) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;
 - i) Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 49. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

1. Công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân);

- b) Địa chỉ liên lạc;
 - c) Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
 - d) Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong công ty;
 - e) Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
 - f) Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của công ty;
 - g) Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cố, thế chấp cổ phiếu công ty của các cổ đông lớn.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Điều 50. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - a) Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
 - b) Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.
2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Thư ký công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
3. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:
 - a) Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;
 - d) Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG XI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 51. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Tổ chức thực hiện

1. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý trong Công ty đều phải thực hiện tốt Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có bất kỳ vướng mắc, phát sinh hoặc có sự thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước, Hội đồng quản trị Công ty sẽ xem xét thay đổi cho phù hợp./.



NGUYỄN VĂN DŨNG

